

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đá là sự vật gắn kết với loài người từ thuở hồng hoang bởi con người trú thân trong hang đá, mượn cái cứng rắn của đá để làm công cụ săn bắt và hái lượm, nhờ cạnh sắc của đá mà tạo ra lửa sưởi ấm và nấu chín thức ăn,... Và ngay cả khi con người trở về với đất, đá là một trong những lựa chọn đầy tin cậy để gói gắm thể xác hay làm vật đồng hành trên con đường đến cõi khác. Con người tìm thấy sự an yên và sức mạnh của mình từ đá nên như một điều hiển nhiên, con người tin và thờ phụng vị thần đá. Có thể nói chính sự gắn bó chặt chẽ này đã phần nào lý giải vai trò của tục thờ đá trong đời sống của con người.

Trong các thể loại văn học dân gian Việt Nam, truyền thuyết là thể loại có sự gắn bó chặt chẽ với những biến thiên lịch sử của dân tộc, đồng thời cũng thể hiện cảm quan lịch sử của người nghệ sĩ dân gian một cách rõ nét nhất. Chính vì thế, ở thể loại này, đá mới có khả năng tích hợp nhiều lớp nghĩa một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, đá đã hiện hữu trong văn hóa Việt Nam như một biểu tượng với những trầm tích văn hóa, tín ngưỡng hàm ẩn trong đó. Thông qua việc lưu giữ biểu tượng đá và tục thờ cúng đá cùng các biến thể của đá, truyền thuyết dân gian Việt Nam đã lưu lại dấu ấn của sự giao thoa và biến thiên tín ngưỡng, văn hóa ở Việt Nam cũng như sức mạnh của nhân vật lịch sử, của cộng đồng dân tộc. Đồng thời, trong kho tàng truyền thuyết về đá và tín ngưỡng thờ đá, ở Thừa Thiên Huế có hai biến thể đặc biệt ẩn chứa trong truyền thuyết *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân* với các lý do: a) Với đặc trưng của mình, hai truyền thuyết này đã thể hiện những biến chuyển của lịch sử và văn hóa, tín ngưỡng của vùng đất Thừa Thiên Huế, nơi có sự xếp chồng của nhiều lớp văn hóa (Việt, Chăm); b) Đây là những truyền thuyết được ghi chép vào các thư tịch khá sớm và vẫn đang “sống” tại địa phương với nhiều dị bản; c) hai truyền thuyết này có mối quan hệ chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian thông qua sự hiện diện của đền/ miếu

và các hình thức thờ cúng. Vì vậy, tính đa nghĩa và sợi dây liên kết của biểu tượng đá từ truyền thuyết đến tín ngưỡng, văn hóa trong *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân* là điều không thể phủ nhận. Với tư cách là người đang giảng dạy tại Huế, việc nghiên cứu biểu tượng đá qua hai trường hợp trên không chỉ là thuận lợi trong quá trình điền dã và kế thừa các công trình của các chuyên gia mà chúng tôi còn có khả năng tích lũy, mở rộng hiểu biết về văn học dân gian địa phương và lịch sử, văn hóa Thừa Thiên Huế.

Với những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài ***Biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam*** để nghiên cứu trong luận án.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Giải mã các lớp nghĩa của biểu tượng đá trong các bản kể truyền thuyết và trong các trầm tích văn hóa của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Biểu tượng đá

Phạm vi nghiên cứu: Truyền thuyết dân gian Việt Nam

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

- Cách tiếp cận văn học dân gian
- Cách tiếp cận văn hóa học
- Cách tiếp cận nhân học

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phân tích tài liệu thứ cấp
- Điền dã

4.3. Thao tác nghiên cứu: thống kê, phân tích và so sánh loại hình

5. Đóng góp khoa học của luận án

Thứ nhất, hệ thống hóa tư liệu về nghiên cứu biểu tượng và biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, đem đến những đánh giá tổng quan về tình hình nghiên cứu.

Thứ hai, phân tích biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

từ các góc độ: ý nghĩa biểu tượng, cấu trúc trần thuật, nhằm khẳng định sự phong phú về lớp nghĩa của biểu tượng đá và kiến giải vai trò của đá trong cấu trúc truyện kể và nghệ thuật xây dựng nhân vật truyền thuyết.

Thứ ba, thông qua biểu tượng đá, chúng tôi chỉ ra mối liên hệ giữa truyền thuyết dân gian với tín ngưỡng thờ đá.

Thứ tư, nghiên cứu trường hợp *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân* – hai truyền thuyết tiêu biểu của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có biểu tượng đá để góp phần minh giải mối liên hệ truyền thuyết và tín ngưỡng thờ đá và minh chứng cho sự dung hòa tín ngưỡng trong quá trình sinh tồn của người Việt.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung chính của luận án được triển khai trong 4 chương:

Chương 1: Lý thuyết biểu tượng và tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Biểu tượng đá và hệ thống nghĩa của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

Chương 3: Cấu trúc trần thuật của dạng truyện kể dân gian có sử dụng biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

Chương 4: Biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian và tín ngưỡng dân gian: nghiên cứu trường hợp *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân*

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Lý thuyết biểu tượng và nghiên cứu văn học dân gian từ lý thuyết biểu tượng

1.1.1. Lý thuyết biểu tượng

Biểu tượng là một thuật ngữ xuất hiện trong đời sống thường ngày và đời sống học thuật. Bản chất của biểu tượng là khó xác định cho nên việc xác định ý nghĩa còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Điều đó cho thấy nghiên

cứu biểu tượng phải là ngành khoa học liên ngành với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Các lĩnh vực ngôn ngữ học, nhân học và ký hiệu học được xem là cốt lõi để nghiên cứu biểu tượng. Đối với ký hiệu học, đóng góp quan trọng nhất của L. Hjelmlev là sự phân biệt “ký hiệu học biểu thị” với “ký hiệu học hàm nghĩa”. Còn R. Barthes đã cụ thể hóa tính “hệ thống kép” đặc trưng của ngôn ngữ biểu tượng. Với phương pháp tiếp cận cụ thể, ký hiệu học đã hạn chế được tính khó xác định của biểu tượng. Hướng tiếp cận nhân học trong nghiên cứu biểu tượng cũng đã được Raymond Firth khái quát thể mạnh trong *Biểu tượng: Chung và Riêng*. Với phương pháp chuyên biệt như điền dã thực địa hay quan sát tham dự, nhân học là giải pháp để khám phá biểu tượng trong chính môi trường “sống” của nó. Ngoài ra, Claude Levi-Strauss đã có đóng góp lớn cho việc nghiên cứu biểu tượng. Cấu trúc luận đã tạo nền tảng để ký hiệu học và nhân học nghiên cứu biểu tượng với những hướng tiếp cận hiệu quả khác nhau.

Chúng tôi thiết nghĩ, sự lựa chọn hướng tiếp cận phải phù thuộc vào đặc trưng của mỗi biểu tượng. Đồng thời, vai trò của các cách tiếp cận trong quá trình nghiên cứu biểu tượng cũng sẽ đậm nhạt khác nhau.

1.1.2. Nghiên cứu văn học dân gian từ lý thuyết biểu tượng

Hướng nghiên cứu biểu tượng trong văn học dân gian xuất hiện từ khá lâu ở nước ta. Với *Thi pháp ca dao* (1993, NXB Đại học Quốc gia), Nguyễn Xuân Kính được đánh giá là một trong những người tiên phong trong nghiên cứu biểu tượng của văn học dân gian Việt Nam. Tuy nhiên, phải đến những năm cuối thế kỷ XX, lý thuyết về biểu tượng và các phương pháp tiếp cận nghiên cứu biểu tượng mới thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Năm 1999, “Những biểu tượng không gian thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt” của Trần Thị An (*Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học - Viện Văn học*) là một trong số công trình đầu tiên soi chiếu biểu tượng văn học đặt từ nền tảng văn hóa. Nguyễn Thị Bích Hà là tác giả đã sử dụng lý thuyết mã văn hóa để nghiên cứu văn học dân gian trong bài viết “Mã và mã văn

hóa”(2006) đăng trên *Văn hóa dân gian*. Xét đến thời điểm hiện nay, *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa* (2014, NXB Đại học Sư phạm) của Bích Hà là công trình đầu tiên chuyên sâu nghiên cứu văn học dân gian theo khuynh hướng biểu tượng luận. Năm 2014, *Nghiên cứu biểu tượng – Một số hướng tiếp cận lý thuyết* của Đinh Hồng Hải có thể xem là công trình đầu tiên giới thiệu một cách hệ thống lý thuyết về biểu tượng ở Việt Nam. Bài viết “Đi tìm bản sắc văn hóa dân tộc qua thể giới biểu tượng” của Nguyễn Văn Hậu đã khẳng định vai trò của biểu tượng trong sự nhận chân bản sắc của dân tộc. Hướng nghiên cứu này được quan tâm hơn trong thời gian gần đây: “Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu Nước trong văn chương Việt Nam” (Nguyễn Thị Thanh Xuân), “Từ truyền thuyết rồng Thăng Long khám phá biểu tượng rồng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam” (2011) đăng trên *Nghiên cứu văn học* của Nguyễn Thị Thanh Lưu,...

Có thể thấy nghiên cứu văn học dân gian từ lý thuyết biểu tượng chỉ mới được đề cập đến trong lượng công trình khiêm tốn và phần lớn mang tính ứng dụng để nghiên cứu một số trường hợp cụ thể.

1.2. Các công trình nghiên cứu Đá ở Việt Nam

1.2.1. Công trình về tín ngưỡng thờ đá

Công trình *Văn hóa tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt* (2010) của Cadriere là bức tranh toàn cảnh về tục thờ đá ở Việt Nam và mối quan hệ giữa truyện cổ dân gian về đá thiêng và tín ngưỡng thờ đá. Về đá trong văn học dân gian, *Tìm hiểu văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á* (Đinh Gia Khánh, 1993) và *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam* (Nguyễn Duy Hinh, 1996), thông qua truyện *Man Nương*, đã cho thấy vai trò của truyện cổ dân gian trong việc truy nguyên và hỗ trợ nghiên cứu tín ngưỡng, tôn giáo. Với “Thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam” (2004) đăng trên *Văn hóa dân gian*, Nguyễn Việt Hùng đã làm rõ mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ đá với các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa và ngoại lai ở Việt Nam. Trong *Sự tích vọng phu và tín ngưỡng thờ đá ở Việt Nam* (2011, NXB Văn hóa thông tin),

tác giả còn khảo sát kiểu truyện vọng phu và đặt trong sự đối sánh với tín ngưỡng thờ đá. Qua điền dã và thống kê truyện cổ người Việt ở Thuận Hóa, Hồ Quốc Hùng cũng đã nỗ lực giải mã các lớp tín ngưỡng thờ đá trong “Thủ nhận diện dấu vết tín ngưỡng Chăm qua nhóm truyện cổ người Việt ở Thuận Hóa” (*Tuyển tập 40 năm Viện Văn học*, 2001, NXB thành phố Hồ Chí Minh).

Từ thực tế nghiên cứu, hầu hết các công trình đã cho thấy vai trò và vị trí của tục thờ đá trong đời sống tâm linh của người dân Việt, mối quan hệ tương tác giữa văn học dân gian và tín ngưỡng, văn hóa.

1.2.2. Công trình nghiên cứu Đá với tư cách biểu tượng

Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (2002, NXB Đà Nẵng) của Jean Chevalier và Alain Gheerbrant là công trình nghiên cứu biểu tượng hệ thống nhất hiện nay, là một bảng tra cứu giúp chúng tôi định hướng giải mã biểu tượng đá trong truyền thuyết. Trong *Những đỉnh núi du ca – một lối tìm về cá tính H'Mông* (2014, NXB Thế giới), dù không đi sâu phân tích đá mở cõi nhưng Nguyễn Mạnh Tiến đã chỉ ra lớp nghĩa riêng của đá trong văn hóa H'Mông. Bài viết “Những biểu tượng không gian thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt” (1999, *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Viện Văn học) của Trần Thị An đã làm rõ tính phổ quát và tính khu biệt của biểu tượng đá trong truyền thuyết. Hai bài viết khác của tác giả Nguyễn Huy Bình, “Truyền thuyết dân gian xứ Bắc về các thần tự nhiên” và “Truyền thuyết Thạch tướng quân trong mối quan hệ với tín ngưỡng thờ đá”, đã phác họa mối quan hệ giữa truyền thuyết về đá thiêng và tín ngưỡng thờ đá.

Công trình nghiên cứu đá với tư cách là biểu tượng chiếm số lượng khiêm tốn nhưng đã có thành tựu bước đầu trong việc khẳng định giá trị văn hóa của biểu tượng đá và chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa biểu tượng đá trong truyền thuyết với tục thờ đá ở các địa phương.

1.2.3. Công trình nghiên cứu motif Đá trong truyện kể dân gian Việt Nam (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích)

Bài viết “Motíp đá thiêng/hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể

dân gian Nam Đảo” (2007) in trong *Truyện kể dân gian các tộc người Nam Đảo ở Việt Nam (NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh)* của Phan Xuân Viện chỉ mới dừng lại ở giới thiệu và phân tích, liên hệ một cách điểm xuyết motif đá thiêng/ hóa đá và tín ngưỡng thờ đá. Với phạm vi khảo sát rộng cả về thể loại lẫn dân tộc, công trình cho thấy sự phong phú và đa dạng trong dạng thức tồn tại của đá.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài

1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Biểu tượng đá trong các tác phẩm văn học dân gian chủ yếu được đề cập đến trong các công trình về tín ngưỡng thờ đá. Rất ít công trình nghiên cứu về đá trong văn học dân gian, đặc biệt với tư cách là biểu tượng trong truyền thuyết. Hầu hết nghiên cứu theo phương pháp khảo sát văn bản kết hợp điền dã để có thể khái quát được đời sống của đá trong tác phẩm và tín ngưỡng của người dân địa phương.

1.3.2. Hướng triển khai đề tài

Thống kê và phân loại sự xuất hiện của đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Nghiên cứu biểu tượng đá từ cấu trúc trần thuật của dạng truyện kể có sử dụng biểu tượng đá trong truyền thuyết. Nghiên cứu trường hợp *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân*, trong mối quan hệ với tục thờ đá, cũng như tín ngưỡng, văn hóa khác.

Như vậy, trên cơ sở tổng lược tình hình nghiên cứu vấn đề biểu tượng và biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, chúng tôi nhận thấy, vấn đề này tuy chỉ mới được khai thác trong số lượng công trình khiêm tốn nhưng là một hướng nghiên cứu khả thi và sẽ có nhiều đóng góp. Từ những công trình mang tính chất chỉ dẫn và gợi mở đó, chúng tôi đã đặt ra những vấn đề khoa học cần thiết phải giải quyết cho đề tài “Biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam”, cụ thể: giải mã ý nghĩa biểu tượng đá thông qua thống kê, phân loại motif và dạng thức đá, phân tích cấu trúc trần thuật của dạng truyện kể sử dụng biểu tượng đá và trong tín ngưỡng dân gian.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ MOTIF VÀ BIẾN THỂ TIÊU BIỂU CỦA ĐÁ TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VIỆT NAM

Trong chuyên khảo *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Trần Thị An đã thống kê được một số type truyền thuyết có liên quan đến thực thể đá trong truyện kể dân gian Việt Nam, tuy nhiên vẫn chỉ mới là các type, chưa phân tích kỹ thành các motif.

2. 1. Một số motif tiêu biểu của đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

2.1.1. *Motif người hóa đá/ đá hóa người*

Thứ nhất, motif ***người hóa đá***: Sự gắn kết đời người vào đá chính là phương thức để bắt tử hóa con người. Phần lớn những nhân vật hóa đá trong truyền thuyết đều có hành trạng xuất chúng hoặc có công lao to lớn đối với cuộc sống no ấm, yên lành của người dân. Có thể nói cả ba truyền thuyết *Truyện cái khiên*, *Sự tích núi Sấm Sơn*, *Núi Bà Đột Om* đều cho thấy chính con người đã hóa thân để tạc nên dáng hình của xứ sở.

Thứ hai, motif ***đá hóa người***: Đá được sử dụng nhằm tạo nên nét dị biệt cho nguồn gốc xuất thân của nhân vật. Mỗi quan hệ giữa đá với nhân vật Thạch tướng quân (*Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân*), Thiên Bồng (*Sự tích Thiên Bồng nhà Lý*) và Thiên Đá (*Sự tích Thiên Đá và Đường Lô đánh giặc Ân*) là mẫu tử, dù đá chỉ “bà mẹ nuôi/ mang tính tạm thời” của thần linh trước khi bước vào cõi trần gian.

Thứ ba, motif ***người hóa đá và đá đó lại hóa thành người***: *Lương Thế Vinh*. Mặc dù đá chỉ xuất hiện ở chi tiết nhỏ nhưng đã góp phần thể hiện sự sinh nở thần kỳ của Lương Thế Vinh ở lần đầu thai, khẳng định hành trạng phi thường của nhân vật. Hơn thế nữa, đá được lựa chọn làm nơi trú ngụ cho phần tinh anh của nhân vật đã minh chứng cho niềm tin vào đá của nhân dân và quan niệm về “vạn vật hữu linh”.

Như vậy, nghệ thuật hóa thân trong truyền thuyết có những nét đặc

biệt riêng. Trong đó, đá luôn có lực tác động ngược trở lại đối với nhân vật, tạo ra một liên kết ngầm về bản chất giữa đá và nhân vật.

2.1.2. Motif vật hóa đá

Theo chúng tôi, motif này có thể chia làm hai loại phụ thuộc vào vật được hóa đá: vật mang tính thiện và vật mang tính ác. Do đó, mục đích hóa đá của các sự vật cũng hoàn toàn khác nhau: đối với vật mang tính thiện, hóa đá như một sự tôn vinh và tưởng vọng sự vật, còn đối với vật mang tính ác, hóa đá là hình thức lưu lại chiến tích của người anh hùng.

Thứ nhất, **vật hóa đá mang tính thiện**: phượng hoàng (*Núi Phượng Hoàng*), ngựa và bộ yên ngựa (*Mã Yên Sơn*), chú voi què (*Chú voi què hóa đá*). Hành trạng/ công lao của những sự vật này trong mối quan hệ với nhân vật lịch sử hoặc đời sống của người dân đã tạo ra phần vĩ thanh – “đời đá” của sự vật.

Thứ hai, **vật hóa đá mang tính ác**: yêu tinh (*Sự tích núi Sầu*), quái vật (*Sự tích sông Kinh Thầy*). Hầu hết đá trong các trường hợp này đều mang ý nghĩa lưu lại chiến tích của nhân vật lịch sử.

Motif vật hóa đá phần lớn đều nằm trong những truyền thuyết về nguồn gốc của các địa danh, bộc lộ tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đất nước của các tác giả dân gian.

2.1.3. Motif đá thiêng

Đá thiêng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam không được xác định về loại/ dạng đá (vật liệu), cũng không có màu sắc cụ thể. Theo chúng tôi, chỉ có thể xếp đá thiêng trong truyền thuyết thành hai loại lớn loại sau: đá thô tự nhiên và đá đã được đẽo gọt.

Thứ nhất, **đá thô tự nhiên**: đá thô tự nhiên có/ không có hình dạng cụ thể và đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người.

Dạng thứ nhất, **đá thô tự nhiên có/ không có hình dạng cụ thể**: tảng đá lớn (*Truyện cái khiên*) và đá thề bồi (*Sự tích suối Rắn*). Ở đây, tính linh thiêng không thuộc về vị thần trú ngụ trong đá mà là phép màu thần kỳ do

đá sở hữu hoặc có thể đem đến cho nhân vật trong truyền thuyết.

Dạng thứ hai, **đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người**: Nói về sự tích bà Trưng Trắc, bà Trưng Nhị, Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương, và Truyền thuyết tượng nghè. Tục thờ đá của người dân được cụ thể hóa trong một hòn đá mang hình dáng con người nhưng cũng có khi chỉ là một hòn đá bình thường. Vì thế, điều kiện tiên quyết đó phải là một tảng đá linh thiêng, tạo niềm tin ở người dân thì mới thật sự được rước vào miếu để thờ cúng.

Thứ hai, **đá được đẽo gọt**: chó đá (Lương Thế Vinh, Sự tích Hạc Lai và Vũ Cốc giúp Lê Lợi đánh giặc Minh), ngựa đá (Thần miếu Độ Mi). Sự đẽo gọt của con người như là một hình thức cụ thể hóa hình dáng của vị thần hoặc tạo ra “mái nhà” cho vị thần trú ngụ. Do đó, ở đá được đẽo gọt trong truyền thuyết, tính linh thiêng không phải bị mất đi, mà là được tạo ra, hoặc được tăng thêm.

2.2. Một số biến thể tiêu biểu của đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

2.2.1. Ngọc

Ngọc trong truyền thuyết dân gian gồm có ba loại: ngọc được hóa từ nhân vật lịch sử và ngọc có phép màu thần kỳ, ngọc trong giấc mơ tiên tri về nhân vật lịch sử. Riêng đối với loại ngọc trong giấc mơ tiên tri về nhân vật lịch sử, chúng tôi sẽ phân tích kỹ trong chương 3.

Thứ nhất, **ngọc được hóa từ nhân vật lịch sử**: chỉ xuất hiện duy nhất trong *Truyện Rùa vàng*. Sự xuất hiện một cách tách biệt nhưng thống nhất của ngọc trai và ngọc thạch trong *Truyện Rùa vàng* không phải là một sự ngẫu nhiên. Vì vậy, những yếu tố hư cấu này hình thành trên nền tảng của sự quan sát và liên tưởng tinh tế, với nhiều ngụ ý tốt lành của nhân dân dành cho nhân vật Mị Châu.

Thứ hai, **ngọc có phép màu thần kỳ**: Đền thiêng ở cửa biển, Vợ ba Cai Vành, Ông Tả Giám Đàn, Cầu làng Sỏi. Phần lớn các viên ngọc đều khó có thể xác định là loại ngọc và ít nhiều có mặt hạn chế, hoặc có khả năng bị

“giải thiêng”. Điều này cho thấy các tác giả dân gian ý thức rất rõ về vai trò giới hạn của yếu tố kỳ ảo, góp phần thể hiện sự trân trọng đối với những chi tiết lịch sử trong truyền thuyết dân gian.

2.2.2. *Ngôi sao*

Trong truyền thuyết, duy chỉ có hai ngôi sao được gọi tên cụ thể (sao Vũ Khúc trong *Sự tích Phụng Hoàng công chúa thời Lý* và sao Cang trong *Sự tích Đức Thiên Cang thời Hùng Vương*), còn đa số ngôi sao đều được tác giả dân gian nhắc đến với tên gọi chung, chưa có sự phân loại hay cụ thể hóa.

Chúng tôi xin có những lý giải cho việc xếp ngôi sao vào biến thể của đá: Ngôi sao thuộc dạng vật chất bởi sau thời điểm ngôi sao “sa vào miệng”, tác giả dân gian chú ý đến hành động “nuốt”, “bỗng thấy trên trời hai ngôi sao rơi vào miệng, bà nuốt đi” (*Sự tích hai anh em Phạm Quang, Phạm Huy thời Lý*). Và trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier, Alain Gheerbrant đã đưa ra một định dạng đặc biệt của đá, đó là “đá trời”. Theo chúng tôi, tác giả dân gian có thể đã chú trọng đến 2 tính chất đặc thù của ngôi sao: “tính cách soi sáng, nguồn ánh sáng” và “ý nghĩa thuộc về trời”. Hai tính chất trên sẽ là sợi dây xuyên suốt liên kết ngôi sao và xuất thân/ hành trạng/ cái chết thần kỳ của nhân vật lịch sử.

Ở đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến ngôi sao trong dạng kể trực tiếp của motif sinh nở thần kỳ và ngôi sao trong cái chết thần kỳ của nhân vật truyền thuyết (*Sự tích Đức Thiên Cang thời Hùng Vương*, *Sự tích Hùng Hải, Đỗ Huy thời Hùng Vương*, *Sự tích Doãn Công dẹp giặc Tô Định*). Còn dạng ngôi sao sa xuống trong giấc mơ, chúng tôi sẽ phân tích kỹ trong chương 3. Ngôi sao - đá trời, hàm chứa lớp nghĩa khởi sinh sự sống và những phẩm chất phi thường, đã trở thành một biểu tượng cho sự liên thông của trời đất ở nhân vật. Đây cũng là motif thể hiện rất rõ sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc trong đời sống và văn hóa của người Việt.

Quan niệm “Đá cũng là vật sống và mang lại sự sống” [19, tr. 269] đã được quán triệt thống nhất trong truyền thuyết. Vậy nên, biểu tượng đá là sự

vay mượn của tác giả nhằm bắt tử hóa nhân vật lịch sử, thể hiện lòng tôn kính đối với họ và những chiến tích của họ. Ngoài ra, Đá còn là sự yêu quý, trông vọng của nhân dân dành cho những sự vật đã góp công trong các chiến thắng của nhân vật. Đá đôi khi còn mang dáng dấp của tổ tiên đang bảo bọc làng xóm, trấn yên những thế lực tà ác, và nỗ lực gìn giữ mưa thuận gió hòa cho con dân. Đường như mỗi thế hệ đã qua vẫn trú ngụ để dõi theo, phù trợ trong lớp vỏ đá tường vô tri vô giác, và cũng có khi họ đã hóa thân cho vẻ đẹp của đất nước.

CHƯƠNG 3

CẤU TRÚC TRẦN THUẬT

CỦA DẠNG TRUYỆN KỂ SỬ DỤNG BIỂU TƯỢNG ĐÁ

TRONG TRUYỆN THUYẾT DÂN GIAN VIỆT NAM

3.1. Đá trong giấc mơ điềm báo của truyền thuyết dân gian Việt Nam

3.1.1. Báu vật đá là phần thưởng cho việc tu thân tích đức

Trong kết cấu này, theo thiện ý của chúng tôi, mối quan hệ giữa những đấng sinh thành ra nhân vật lịch sử với báu vật đá tạo ra một liên kết mang tính nguyên nhân – hệ quả: *Sự tích năm anh em Minh Công, Tỉn Công, Cao Công, Thạch Công và Dung Nương thời Hùng Vương, Sự tích hai anh em Phạm Quang, Phạm Huy thời Lý, ...* Cha mẹ của các nhân vật lịch sử đều có lối sống hiền lành, thuộc gia đình tử tế, không phân biệt giàu nghèo. Ngoài ra, họ còn có chung một hoàn cảnh, đã lớn tuổi nhưng hiếm đường con cái. Chính hai đặc điểm này đã khiến con trở thành “báu vật trời ban”. Và cần lưu ý, nhân vật lịch sử của truyền thuyết phải là “hình mẫu lý tưởng về đức hạnh” và ở đây, dường như tác giả dân gian đã mở rộng phạm vi lý tưởng này, vượt ra khỏi giới hạn bản thể của nhân vật. Nghĩa là truyền thuyết đã đề cập đến sự mẫu mực ở cả bậc sinh thành và gia thế của nhân vật lịch sử.

Đá cũng giống như các dạng báu vật khác của truyền thuyết là vật tặng mang tính điều kiện, và đồng thời là vật mang tính tượng trưng cho nhân vật

lịch sử. Tuy nhiên, nếu như việc xây dựng kết cấu nhân – quả với nhân vật cha mẹ sống phúc đức, hiếm muộn đã được công thức hóa trong thần tích thì sự lựa chọn các dạng đá để trao tặng và có tầm ảnh hưởng đến nhân vật lịch sử đã cho thấy các quan niệm về đá của người dân Việt.

3.1.2. Đá là hiện thân của nhân vật lịch sử trong giấc mơ điềm báo

Theo khảo sát của chúng tôi, là vật báu ông trời ban tặng trong giấc mơ điềm báo, đá tồn tại với 3 dạng thức: đá, ngôi sao và ngọc. Hầu hết đá đều chỉ được nhắc đến trong một chi tiết cụ thể và phần lớn không có sự giải mã để gắn kết mối quan hệ giữa đá được trao tặng trong giấc mơ và nhân vật lịch sử được sinh ra: *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương, Sự tích năm anh em Minh Công...*

Khác biệt đáng chú ý nhất ở vật báu ngôi sao là hầu hết đều không phải do thần trao tặng mà chỉ đơn giản “sa vào miệng – nuốt”/ “rơi xuống bụng” của người mẹ. Theo chúng tôi, tác giả dân gian có thể đã ví ngôi sao như một hạt giống của sự sống được ông trời gieo vào người mẹ. Song tính liên kết giữa ngôi sao và nhân vật lịch sử gần như không có, ngoài việc nhân vật lịch sử luôn được xem là sự giáng sinh của thần, thánh nên mang vóc dáng và trí tuệ hơn người: *Sự tích Ngọn Côn và Thuần Nghi đời Lê Thái Tổ, Truyện tam vị thiên thần thời Trung Vương...*

Ngọc trong giấc mơ điềm báo đa dạng về chủng loại và được xác định khá rõ ràng. Tuy nhiên tính chất lỏng lẻo trong liên kết tương đồng giữa ngọc với nhân vật lịch sử cũng vẫn tồn tại. Hầu hết các giấc mơ về ngọc, cũng giống như đá và ngôi sao đều không được giải mã một cách kỹ càng. *Bài ký về Hưởng Lãm Mai Hắc Đế* là tác phẩm duy nhất được tác giả chú tâm miêu tả ngọc và giải mã giấc mơ điềm báo.

Tuy liên kết giữa các dạng đá với sự phi thường trong hành trạng của nhân vật lịch sử có thể còn lỏng lẻo, nhưng việc lựa chọn đá đã cho thấy vai trò của đá trong đời sống của cư dân Việt. Đồng thời, đá góp phần đặc tả tính chất linh thiêng của nhân vật lịch sử trong truyền thuyết dân gian. Vì vậy, đá

vừa mang điềm lành trong giấc mơ tiên tri vừa là biểu tượng của sự sống.

3.2. Đá xuất hiện trong motif hiển linh của truyền thuyết dân gian Việt Nam

3.2.1. Đá và sự hiển linh của nhân thần

Nhóm nhân thần trong truyền thuyết thường có tần suất hiển linh không cao. Và ý nghĩa của motif hiển linh thuộc dạng này chính là một hình thức “bất tử hóa” nhân vật lịch sử, thể hiện niềm tin và ngưỡng vọng của nhân dân dành cho họ. Tuy nhiên, tính lịch sử của nhân thần ở đây cần phải được làm rõ. Bởi lẽ không phải nhân thần nào cũng là nhân vật có thật trong lịch sử (Cao Lỗ trong *Quả Nghị Cương Chính Uy Huệ vương*), mà có thể đó chỉ là hiện tượng “lịch sử hóa” truyền thuyết (nàng Bích Châu trong *Đền thiêng ở cửa biển*), hoặc chúng tôi không tìm được một cứ liệu nào khác (Chiêu Khanh và Đông Long trong *Thần miếu Độ Mi*).

Đá là hiện thân cho nguồn gốc nhiên thần của nhân vật lịch sử, tăng tính thiêng riêng cho truyền thuyết và góp phần khẳng định sự bền vững, bất tử cùng thời gian của nhân vật lịch sử. Dù trong truyền thuyết dân gian, đá là nguồn gốc, là báu vật trao tặng hay đơn giản chỉ là vỏ “ứng đồng” thì chúng tôi vẫn thấy trong đá dư ảnh huyền thoại của nhân vật lịch sử.

3.2.2. Đá và sự hiển linh của nhiên thần

Nhiên thần trong trường hợp này phần lớn là thần đá và sự hiển linh trong truyền thuyết nhằm khẳng định uy quyền tối thượng của các vị thần, tô đậm thêm niềm tin của nhân dân giành cho họ và tín ngưỡng. Theo thống kê của chúng tôi, thần đá hiển linh chỉ xuất hiện trong ba truyền thuyết: *Kỳ Thạch phu nhân*, *Thai Dương phu nhân*, *Truyền thuyết tượng nghệ*. Điểm đặc biệt ở đây là ngư dân, những người lẽ ra nỗi sợ hãi của họ phải bắt nguồn từ thủy thần/hải thần, nhưng dường như họ lại đặt nỗi sợ hãi/ niềm tin hưng thịnh vào thần đá. Vì vậy, không thể phủ nhận sự hiển linh này đã phản ánh niềm tin tín ngưỡng của người dân Việt.

Nếu như trong truyền thuyết dân gian, nhân vật lịch sử có liên quan

đến đá hiển linh đã cho thấy sự bất tử của nhân vật, và sự đoàn kết một lòng của nhân dân cả nước trong các cuộc chiến chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi (kể cả người sống lẫn người đã khuất, họ vẫn luôn dõi theo, phù hộ), thì sự hiển linh của thần đá trong truyền thuyết dân gian đã bóc mở lớp nghĩa: đá là hiện thân của các vị thần.

3.2.3. Đá - thành tố cấu tạo nên không gian tâm linh

Thứ nhất, **không gian thiêng**: Đá ngay trong nội tại của nó đã là một không gian thiêng, không gian được lựa chọn để an trú của không chỉ các vị nhiên thần mà còn cả phần linh hồn/ tinh anh của các nhân vật lịch sử: *Thai Dương phu nhân, Kỳ Thạch phu nhân, Sự tích hòn đá núi La Hán, Truyền thuyết tượng nghè, Thần miếu Độ Mi, Lương Thế Vinh,...* Dẫu là sự trú ngụ tạm thời hay vĩnh viễn thì tính thiêng của không gian đá này luôn là sự đồng nhất/ ánh xạ từ các vị nhiên thần/ nhân vật lịch sử.

Thứ hai, **không gian thờ cúng**: Ở đây, chúng tôi xem đá như là yếu tố để xây dựng nên không gian, và không gian đó được sử dụng với mục đích thờ cúng/ thờ tự. Bên cạnh mối liên hệ với tục thờ đá, đá trong truyền thuyết dân gian còn là sự xếp chồng các tín ngưỡng, tôn giáo khác: *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương, Sự tích suối Rắn, Thần Độc Cước và đền Độc Cước, Sự tích công chúa Thượng Ngàn,...* Trong truyền thuyết *An Dương Vương lập cột đá thề*, cột đá được An Dương Vương lập trên núi Nghĩa là sự dung hòa của hình thức thờ đá với một ý niệm khác: đá thề nguyên.

Thứ ba, **không gian giấc mơ**: chúng tôi muốn đề cập đến hiện tượng không gian đá lồng ghép trong không gian giấc mơ: *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương, Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân, ...* Ở đây, đá không chỉ còn gói gọn trong không gian thiêng, không gian thờ cúng, mà dường như đã trở thành một sự ám ảnh trong đời sống của người dân Việt từ cõi thực sang cõi mộng. Như cách lý giải của Jung về vô thức tập thể thì có

khả năng chính những giấc mơ này cũng mang hàm nghĩa về sự di truyền kiến thức và điềm báo.

Đá là một dạng không gian tâm linh khá đa dạng, từ hẹp đến rộng, từ cõi thực đến cõi mộng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Đồng thời, không gian nghệ thuật này còn là sự minh họa thiết thực cho đời sống tâm linh phong phú, đa dạng của người dân Việt.

Khởi nguồn từ quan niệm “đá là biểu tượng của sự sống trong trạng thái tĩnh” [19, tr.273], đá xuất hiện trong giấc mơ điềm báo mang giá trị của một vật báu và điềm lành về đường con cái. Còn trong mối quan hệ với motif hiển linh, đá cũng đã mở rộng thêm những lớp nghĩa: đá là dư ảnh của nhân vật lịch sử, đá là hiện thân của thần linh và đá là không gian tâm linh. Và có thể khẳng định rằng đá giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc văn bản và đã tạo ra những liên kết chặt chẽ, giàu tính trần thuật trong truyền thuyết dân gian Việt Nam.

CHƯƠNG 4

BIỂU TƯỢNG ĐÁ TRONG TRUYỀN THUYẾT VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KỲ THẠCH PHU NHÂN VÀ THAI DƯƠNG PHU NHÂN

4.1. Văn bản và cấu trúc văn bản của truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân

4.1.1. *Truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân nhìn từ văn bản*

Theo kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết ***Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân*** hiện nay có khá nhiều dị bản được lưu truyền. Do đó, trong tiểu mục này, chúng tôi vừa thống kê, khảo sát các văn bản vừa tiến hành khảo dị.

Kỳ Thạch phu nhân trong *Đại Nam nhất thống chí* (1961) của Quốc sử quán triều Nguyễn, “Sự tích nữ thần Kỳ Thạch phu nhân” in trong Bulletin

des Amis du Vieux Hué năm 1915 (trong *Những người bạn Cố đô Huế*, 1997), *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế* (1998, Tôn Thất Bình chủ biên, Trần Hoàng và Triều Nguyên): về cốt truyện và các chi tiết liên quan đến biểu tượng đá, hầu như không có độ chênh giữa các văn bản.

Thai Dương phu nhân trong *Ô Châu cận lục* (1961) của Dương Văn An, “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân” của Đào Thái Hanh in trong số 1 Bulletin des Amis du Vieux Hué (trong *Những người bạn Cố đô Huế*, 1997), *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế* (1998, Tôn Thất Bình chủ biên, Trần Hoàn và Triều Nguyên), Truyền thuyết dân gian người Việt của *Tinh hoa văn học dân gian người Việt* (quyển 4) do Viện Nghiên cứu văn hóa biên soạn (2009), *Huế xưa và nay: di tích và danh thắng* (2010) của Phan Thuận An, Thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn (tập 1), *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế* (2012) của Triều Nguyên: tồn tại hai dị bản về gốc gác của nữ thần. Điều đó cho thấy dị bản có thể được tạo ra bởi lòng tự tôn, ý thức về cộng đồng của nhân dân địa phương.

Theo chúng tôi, sự khác biệt trên chủ yếu do các nguyên nhân sau: 1. Dị bản được tạo ra bởi quá trình lưu truyền; 2. Mục đích ghi chép của các công trình mang tính đặc thù thể loại; 3. Việc xác định thể loại cũng ảnh hưởng đến quá trình dựng lại tác phẩm trên cơ sở các dữ liệu đã có.

4.1.2. Truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân nhìn từ cấu trúc trần thuật

Truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân có bố cục đơn giản, gồm: Ở phần một, câu chuyện giải thích tên gọi của đền miếu đều mang đậm màu sắc huyền thoại. Bởi lẽ nhân vật trung tâm của truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân là nhiên thần. Trong khi ở phần hai, sự hiển linh của đá/ vị thần trú ngụ trong đá cũng đầy chất thần kỳ, phải nắm bắt dữ liệu bằng niềm tin thì lại được đánh dấu với các mốc son lịch sử cụ thể, chính xác. Nghĩa là, thực và hư cứ đan xen vào nhau. Trong đó, yếu tố hư cấu được sử dụng nhằm tăng thêm tính huyền thoại,

nâng cao vị trí của nhân vật trung tâm: đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá. Còn những chi tiết có thật, mang tính lịch sử lại có tác động ngược trở lại, góp phần chứng thực cho huyền thoại, biến huyền thoại thành đời thực và gia tăng niềm tin của nhân dân/ người nghe/ người đọc vào huyền thoại đá.

Sự hiển linh được phân thành hai dạng: giới thiệu sự kiện hiển linh và trình bày câu chuyện hiển linh. Điều này đã khiến cho phần thứ hai của văn bản đôi khi trở thành một hệ thống tập hợp các câu chuyện nhỏ. Sự hiển linh ở phần hai này có thể là cách đề cao quyền uy của triều Nguyễn bằng việc xây dựng sự hiển linh phò trợ của các vị nhiên thần.

4.2. Biểu tượng đá trong truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân trong mối quan hệ với tín ngưỡng dân gian Chăm

Sự ảnh hưởng của tín ngưỡng Chăm trong biểu tượng đá của truyền thuyết dân gian Việt Nam nói chung và trường hợp Kỳ Thạch phu nhân và Thai Dương phu nhân nói riêng, chúng tôi thiết nghĩ có thể lý giải như sau:

Thứ nhất, xứ Thuận Hóa vẫn nổi danh là Ô Châu ác địa, cho nên với tâm thức của một người vừa mới đặt chân đến vùng đất lạ để định cư, nỗi sợ hãi là điều tất yếu. Không chỉ sợ hãi trước mọi sự vật xung quanh, mà cả thói quen, tín ngưỡng của người bản địa cũng gây ra tâm lý bất an, lo lắng. Ở đây, chúng tôi xem người Chăm là người bản địa, còn người Việt là người mang tâm lý ngụ cư trong thời gian đầu ở xứ Thuận Hóa. Vì vậy, họ chủ trương “có kiêng có lành”: chỉ cần tôn trọng các sự vật ở vùng đất mới/ các vị thần của người bản địa, họ sẽ được an yên;

Thứ hai, tín ngưỡng và tôn giáo là hành trang không thể thiếu của một người di cư. Và khi “chạm” đến tín ngưỡng của người bản địa, họ nhận ra có những điều gần gũi với niềm tin của mình. Như một lẽ tự nhiên, họ cũng tin và theo. Chúng tôi nhấn mạnh từ “chạm” vì có một thực tế, đôi khi người Việt chưa thật sự hiểu thấu đáo các tín ngưỡng của người Chăm nên xảy ra hiện tượng: đối tượng và cách thức thờ cúng của người Việt không hoàn toàn trùng khớp với người Chăm, mặc dù cùng một lớp vỏ bọc tên gọi của tín

ngưỡng.

Tất nhiên, trong quá trình đấu tranh để sinh tồn, có thể họ “tự nhiên” (vô thức) ảnh hưởng hoặc họ “chủ động” Việt hóa các tín ngưỡng của người bản địa.

4.2.1. Tín ngưỡng thờ đá

Chúng tôi cụ thể hóa các lớp ý niệm hình thành nên tín ngưỡng thờ đá của đá trong truyền thuyết về Kỳ Thạch phu nhân như sau:

Đá có chạm trổ tinh xảo Của người Chăm	1. Đá – vật thiêng (tục thờ đá của người Việt)
	2. Đá – vật thiêng trên mảnh đất hoàn toàn mới (thần linh của người Chăm) [nỗi sợ vô hình – NTQH]
	3. Đá có hình thù kỳ lạ được chạm khắc (xuất hiện trong đền miếu người Chăm) [nỗi sợ hữu hình – NTQH]
	4. Đá là nơi trú ngụ của vị nữ dân thần Tàri trong tín ngưỡng của người Chăm [nỗi sợ hữu hình – NTQH]

Biểu tượng đá của truyền thuyết về Thai Dương phu nhân gồm có những lớp ý niệm sau:

Đá	1. Đá – vật thiêng (tục thờ đá của người Việt)
	2. Đá – tảng đá ngầm (thần linh của người Chăm)
	3. Đá – thần Biển (thần Yang Tathik)

Đá thờ ở Kỳ Thạch phu nhân và Thai Dương phu nhân tưởng như chịu ảnh hưởng hoàn toàn tín ngưỡng Chăm nhưng thật ra chỉ là sự vay mượn vỏ bọc hay liên kết các ý niệm trong tín ngưỡng của người Chăm.

4.2.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Người Việt dễ dàng nhận ra tín ngưỡng thờ nữ thần bản địa của người Chăm có những nét tương đồng với thờ Mẫu ở miền Bắc nên có thể quá trình tiếp nhận diễn ra khá nhẹ nhàng. Song theo thiên ý của chúng tôi, do sự sợ hãi, cùng với việc không hiểu thấu đáo tín ngưỡng của người Chăm cho nên sự ảnh hưởng ở đây chỉ mang giá trị ý niệm.

Chúng tôi cho rằng ngư phủ trong truyền thuyết Kỳ Thạch phu nhân

không hướng đến đối tượng thờ là vị nữ dân thần Tàri mà chỉ đơn thuần là một nữ thần mơ hồ nào đó. Với miếu Thai Dương phu nhân, thần còn có một ý niệm khác: thần sóng biển Po Riyak.

Sự ảnh hưởng của các ý niệm đó, chúng tôi cho rằng, không chỉ là hệ quả của việc cùng chung sống trên một mảnh đất mà còn xuất phát từ những nỗi sợ hãi trong bản nguyên thích định cư của người Việt. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện phần nào sự ám ảnh của người phụ nữ trong tâm thức của người Việt và sự chủ động trong quá trình tiếp nhận văn hóa/ tín ngưỡng của người Chăm.

4.3. Biểu tượng đá trong truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân trong mối quan hệ với tục thờ đá tại đền Thai Dương phu nhân và miếu Kỳ Thạch phu nhân

4.3.1. Hình thức đá thờ

Đối với **hình thức đá thờ tại miếu Kỳ Thạch phu nhân**: phần lớn các văn bản đều ghi chép ngắn gọn, chỉ duy nhất trong “Sự tích nữ thần Kỳ Thạch phu nhân”, Đào Thái Hanh miêu tả cụ thể. Cảnh được chạm khắc trên bức phù điêu chính là cuộc đấu trí giữa quỷ vương Ravana và thần Shiva trên đỉnh núi Kaisala.

Đối với **hình thức đá thờ tại đền Thai Dương phu nhân**: hầu như các văn bản không nhắc đến hình dáng của tảng đá. Chỉ có duy nhất chi tiết: “Trong phiến đá này có phác ngọc”.

Đá thờ trong hai truyền thuyết này là điểm nối giữa hư (truyền thuyết, thần linh) và thực (tín ngưỡng, cuộc sống đời thường). Chỉ duy nhất sự tồn tại của đá thờ là đã đủ gây dựng và gia tăng niềm tin của cộng đồng vào tín ngưỡng và truyền thuyết.

4.3.2. Hình thức thờ cúng

Cả hai vị nữ thần, Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân, đều được nhà Nguyễn sắc phong nên việc tu sửa đền miếu và thờ cúng rất được nhân dân chú trọng, hương khói tôn nghiêm.

Thứ nhất, **việc tu sửa đền miếu**: Miếu Kỳ Thạch phu nhân được giữ gần như nguyên trạng. Đồ thờ trong miếu đầy đủ hơn và miếu cũng đã được tu bổ. Tuy nhiên, các chi tiết được thêm vào trong không gian phía trước gian miếu dường như không gắn kết với tục thờ đá mà dựa vào tâm lý của cộng đồng. Đền Thai Dương phu nhân hiện nay có khuôn viên khá khang trang. Kiến trúc chạm trổ của đền đã có sự ảnh hưởng từ những nét tín ngưỡng, văn hóa khác trong không gian đền và điện thờ.

Thứ hai, **về việc thờ cúng và tế lễ**: Trong khía cạnh này, các văn bản truyền thuyết ghi chép cũng rất sơ lược. Hiện nay, ở miếu Kỳ Thạch phu nhân, người dân đến thấp hương thường cúng dường vải lụa, “áo” cho tượng và người trông coi mỗi tháng lại thay áo cho Bà. Trong lễ tế Thai Dương phu nhân, ngày 23 là chính lễ, sẽ có lễ rước Bà từ đền thờ về đình làng để làm lễ tế với hình thức rất gần với tín ngưỡng thờ nữ thần.

Vì vậy, dường như ở hình thức thờ cúng, tín ngưỡng thờ Mẫu đã lấn át tín ngưỡng thờ Đá. Trong khi đó, theo ghi chép của các văn bản, tín ngưỡng ở vị trí trung tâm của biểu tượng đá là tín ngưỡng thờ đá.

Tín ngưỡng thờ đá trong *Thai Dương phu nhân* và *Kỳ Thạch phu nhân* có sự kết hợp một cách hài hòa với tín ngưỡng thờ Mẫu, hay dung chứa các ý niệm khác của thờ đá trong tín ngưỡng và văn hóa Chăm. Sự khác biệt trong hình thức đá thờ ở Thai Dương phu nhân và Kỳ Thạch phu nhân là minh chứng cho sự tiếp nhận tín ngưỡng, văn hóa Chăm của người Việt ở những dấu mốc lịch sử và khu vực sống khác nhau. Đây chính là kết quả của quá trình đấu tranh để sinh tồn của người Việt trong thời gian đầu đến định cư trên vùng đất mới.

KẾT LUẬN

“Đá là vĩnh cửu, là biểu tượng của sự sống ở trạng thái tĩnh”, cho nên đá trong truyền thuyết dân gian người Việt cũng là hiện thân của sự trường tồn và luôn ẩn chứa sự linh hoạt của những lớp nghĩa, luôn giấu kín sự sống động

của các mối quan hệ. Vì vậy, khám phá biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam không chỉ là hành trình nghiên cứu một biểu tượng, mà còn là một khởi đầu để tìm hiểu về đời sống tâm linh của người dân Việt và truy nguyên lịch sử dân tộc từ những sự kiện, nhân vật, vết cắt tín ngưỡng trong tác phẩm.

Trong phạm vi luận án, với đề tài *Biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam*, chúng tôi đã tập trung làm rõ một số vấn đề cốt yếu sau:

1. Từ kết quả thống kê tư liệu, chúng tôi hệ thống hóa các công trình nghiên cứu về biểu tượng và Đá trong tín ngưỡng/ văn học dân gian Việt Nam nhằm phác họa sơ khởi tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến “biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam” hiện nay. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã chọn được các hướng tiếp cận phù hợp với đề tài (văn học dân gian, nhân học và văn hóa học) và có những gợi ý thiết thực cho việc giải mã biểu tượng đá. Chương tổng quan cũng chỉ ra những khoảng trống và triển vọng của hướng nghiên cứu này, giúp chúng tôi khoanh vùng và xác lập hiệu quả những vấn đề khoa học cần giải quyết.

2. Phân tích các truyền thuyết có sử dụng biểu tượng đá từ góc độ văn học dân gian và tự sự học ở các phương diện: motif, cấu trúc trần thuật và giải mã biểu tượng, chúng tôi có được những kết quả cụ thể sau:

- Thứ nhất, 3 motif (người hóa đá/ đá hóa người, vật hóa đá, và đá thiêng) và 2 biến thể (ngọc và ngôi sao) của đá là kết quả của chúng tôi từ quá trình khảo sát và thống kê văn bản. Sự vay mượn tính chất và giá trị từ đá của tác giả dân gian đã mở ra những trường nghĩa mới cho nhân vật của truyền thuyết: tạo nguồn gốc nhiên thần, sự kỳ vĩ trong hành trạng, và tượng đài bất tử của cộng đồng. Đồng thời, cũng chính những nhân vật có liên quan đến đá đã quay ngược trở lại, hình thành thêm những giá trị cho đá. Vì vậy, về phương diện motif, đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam sở hữu sự biến thiên khá sống động.

- Thứ hai, với cấu trúc trần thuật của dạng truyện kể có sử dụng biểu

tượng đá, chúng tôi nhận ra đá có sự tương tác với các motif khác của truyền thuyết (giác mơ, hiển linh) để hình thành mạch kết cấu của truyện kể. Từ đó, đá góp phần thiêng hóa nhân vật truyền thuyết bởi lẽ nhân vật không chỉ là báu vật trời ban, mà còn là đứa con được hưởng ân đức của cả gia đình, dòng họ. Hơn thế nữa, đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam mang đậm màu sắc tâm linh, vừa là hiện thân của thần linh vừa là yếu tố cấu thành không gian tâm linh của truyền thuyết. Đương nhiên, với không gian tâm linh, đá cũng được tác giả dân gian duy trì các tính chất đặc trưng, nhằm tôn vinh nhân vật lịch sử.

- Thứ ba, dựa vào hệ thống lớp nghĩa của đá mà Jean Chevalier và Alain Gheerbrant đề cập đến trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (2002, NXB Đà Nẵng) và thực tế khảo sát motif và cấu trúc trần thuật, chúng tôi đã xác định và giải mã các lớp nghĩa của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Đồng thời, sự so sánh đối chiếu cũng hỗ trợ chúng tôi trong việc nhận diện điểm giống và dị biệt của đá trong truyền thuyết/ văn hóa Việt với văn hóa nhân loại.

3. Thông qua mối quan hệ giữa văn bản với di tích, tục thờ cúng, luận án đã phân tích mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng thờ đá của người Việt. Có thể nói, qua thời gian, truyền thuyết Việt Nam đã minh chứng cho sự kết hợp rất hài hòa của các tín ngưỡng và văn hóa khác trong biểu tượng đá. Và ngay trong truyền thuyết, biểu tượng đá cũng cho thấy không phải lúc nào tín ngưỡng thờ đá cũng giữ được bản nguyên của nó, mà đôi khi trong sự dung hòa, các tín ngưỡng khác lại trở thành chủ đạo.

4. Trong luận án, với mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng thờ đá, chúng tôi đã nghiên cứu hai trường hợp: *Kỳ Thạch phu nhân* và *Thái Dương phu nhân*. Kết quả của sự phân tích này gồm:

- Luận án đã làm rõ hơn mối quan hệ Việt - Chăm trong lịch sử dân tộc, cụ thể là sự tiếp nhận tín ngưỡng thờ Mẫu và thờ đá của văn hóa Chăm trong đời sống tâm linh của người Việt. Ở đây, chúng tôi vừa dự cảm cách

tiếp nhận vừa khẳng định yếu tố Việt trong biểu tượng đá của truyền thuyết và hình thức thờ đá tại đền/ miếu.

- Luận án cũng đã chỉ ra sự lên ngôi của tín ngưỡng thờ Mẫu trong hình thức thờ cúng và di tích đền Thai Dương phu nhân và miếu Kỳ Thạch phu nhân. Nghĩa là, tín ngưỡng thờ đá bị che lấp đi, người dân chỉ còn biết đến vị được thờ là Mẫu, hay nữ thần mà thôi.

5. Các vấn đề chưa thực hiện được trong luận án, chúng tôi hi vọng sẽ có điều kiện để tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới:

- So sánh lớp nghĩa của biểu tượng đá trong truyền thuyết với các thể loại văn học dân gian khác của Việt Nam. Với đặc trưng riêng của mỗi thể loại, chúng tôi cho rằng biểu tượng đá mang các giá trị và lớp nghĩa riêng. Từ đó, cũng sẽ nhận diện được sự đậm nhạt và biến chuyển trong mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ đá với các thể loại khác của văn học dân gian.

- So sánh lớp nghĩa của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam với truyền thuyết của một số quốc gia khác ở Đông Nam Á và Châu Á. Đương nhiên, xu hướng trên giải mã các lớp nghĩa giống/ khác nhau mà biểu tượng đá sở hữu, không chỉ trong một thể loại văn học dân gian mà cả văn hóa. Điều này sẽ chứng thực có sự giao thoa về tín ngưỡng thờ đá giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

- Nghiên cứu trường hợp biểu tượng đá của *Thai Dương phu nhân* trong phạm vi khu vực miền Trung, bởi lẽ ở Huế hay Quảng Nam cũng có di tích mang tên miếu/ đền Thai Dương phu nhân. Đây là hướng nghiên cứu mang tính chất vùng miền có khả năng soi chiếu được phạm vi lưu truyền của văn bản này, và góp phần khẳng định sự giao lưu văn hóa Việt – Chăm.